

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2021

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Sơ;

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2021/TLST- HNGĐ ngày 06.01.2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Mạc Văn C**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Đỗ Thị S**, sinh năm 1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị S: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, các bản khai - Nguyên đơn anh **Mạc Văn C** trình bày: Anh và chị **Đỗ Thị S** tự nguyện kết hôn tại UBND xã B, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 24/5/2006. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị S không chung thủy với anh mà có tình cảm với người đàn ông khác, từ đó tình cảm vợ

chồng bị rạn nứt. Năm 2018 chị S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu chị có liên lạc với anh nhưng từ năm 2019 chị không còn liên lạc với anh nữa, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung là Mạc Đỗ Ngọc A1, sinh ngày 26/01/2008 và Mạc Đỗ Ngọc A2, sinh ngày 01/3/2011. Hiện các cháu đang ở với ông bà ngoại tại thôn C, xã B, thành phố C. Do anh làm nghề lái xe thường xuyên vắng nhà nên anh để chị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng cho con là 1.000.000/1tháng/1con (cả hai con là 2.000.000/1tháng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị S không có mặt tại Việt Nam, anh nhất trí giao cháu A1 và cháu A2 cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị S) xác định, bà đã thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị S biết. Chị S xác định anh C không chung thủy với chị và đã có người phụ nữ khác nên chị nhất trí ly hôn và đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên, chị nhất trí việc anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/1con/1tháng (cả hai con là 2.000.000đ/1tháng) cho đến khi các con thành niên. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A1, cháu A2, về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H nhất trí nhận sự ủy quyền của chị S về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con của chị S trong thời gian chị S không có mặt tại Việt Nam, bà không yêu cầu anh C, chị S phải có trách nhiệm cấp dưỡng.

Con chung của anh C và chị S là cháu Mạc Đỗ Ngọc A1 và Mạc Đỗ Ngọc A2 có nguyện vọng được ở với chị S và ông bà ngoại.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh C, chị S đăng ký kết hôn và cư trú thể hiện: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị S đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, anh C ở nhà có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại gia đình và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; 81; 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Mạc Văn C được ly hôn chị Đỗ Thị S. Về con chung: Giao cháu Mạc Đỗ Ngọc A1 và cháu Mạc Đỗ Ngọc A2 cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/1con/1 tháng (cả hai con là 2.000.000đ/1

tháng). Tạm giao các cháu Mạc Đỗ Ngọc A1 và cháu Mạc Đỗ Ngọc A2 cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian chị S ở nước ngoài. Anh C phải chịu án phí về hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Mạc Văn C hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Đỗ Thị S nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại: Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị S ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị S cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị S biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh C và chị nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, bà H vẫn thường xuyên liên lạc với chị S và đã thông báo cho chị S biết việc anh C làm đơn xin ly hôn. Chị S có quan điểm nhất trí ly hôn, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và ủy quyền cho bà H thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng các con trong thời gian chị ở nước ngoài. Do vậy, Tòa án bổ sung bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, chị S, bà H vắng mặt lần thứ hai và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mạc Văn C và chị Đỗ Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 24/5/2006, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm nên không chung thủy với nhau, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S. Chị S ở nước ngoài nhưng thông qua gia đình cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có quan điểm đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh C được ly hôn chị S là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Mạc Văn C và chị Đỗ Thị S có hai con chung là Mạc Đỗ Ngọc A1, sinh ngày 26/01/2008 và Mạc Đỗ Ngọc A2, sinh ngày 01/3/2011, hiện các con đang ở với bà H là bà ngoại của các cháu. Thông qua gia đình chị S có quan điểm được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, chị S ủy quyền cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng các con, bà H nhất trí nhận sự ủy quyền chăm sóc cháu A1 và cháu A2 của chị S. Xét thấy, anh C có nguyện vọng để chị S nuôi dưỡng cả hai con chung, các cháu có nguyện vọng được ở với chị S và ông bà ngoại, anh C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/1con/1 tháng (cả hai con là 2.000.000đ/1 tháng) cho đến khi các con thành niên và nhất trí giao các con cho bà H nuôi dưỡng trong thời gian chị S không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Mạc Đỗ Ngọc A1 và Mạc Đỗ Ngọc A2 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C về việc cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/1con/1 tháng (cả hai con là 2.000.000đ/1 tháng) cho đến khi các con thành niên. Trong thời gian chị S không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu A1 và cháu A2 cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Mạc Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Mạc Văn C ly hôn chị Đỗ Thị S.
2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Mạc Đỗ Ngọc A1, sinh ngày 26/01/2008 và Mạc Đỗ Ngọc A2, sinh ngày 01/3/2011 cho chị Đỗ Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng tiền nuôi con Mạc Đỗ Ngọc A1 và Mạc Đỗ Ngọc A2 định kỳ hàng tháng là 1/000.000đ/1con/ 1tháng (cả hai con là 2.000.000đ/1tháng) kể từ tháng 5/2021 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Mạc Đỗ Ngọc A1 và cháu Mạc Đỗ Ngọc A2 cho bà Nguyễn Thị H chăm

sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị S không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Đỗ Thị S có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, anh Mạc Văn C chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Mạc Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004835 ngày 04/01/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Anh Mạc Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Mạc Văn C và bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường